TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày 17-9-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Hải.

2. Ông Phạm Văn Tám.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Mã Hà Bửu N; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Cô Văn T; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Trần Thị H; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Anh Cô Thành T; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Huỳnh D; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng N); bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, ông Cô Văn T (ông T được sự đồng ý của vợ là bà Trần Thị H bằng văn bản ủy quyền) ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017 vay của Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với hạn mức tín dụng là 400.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T ký hợp đồng thế chấp tài sản số 73.9.AT3./HĐTC ngày 14/11/2017 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017, tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 419033, có diện tích 5237,6m^2, thuộc thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 26/10/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 486511, có diện tích 15952,6m^2, thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 06/10/2017.

Ngày 16/11/2017, Ngân hàng N chi nhánh huyện C đã giải ngân cho ông Cô Văn T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn, phân kỳ trả gốc (lãi được trả cùng kỳ với gốc) như sau:

Kỳ 1: ngày 16/11/2018 trả gốc 80.000.000 đồng;

Kỳ 2: ngày 16/11/2019 trả gốc 80.000.000 đồng;

Kỳ 3: ngày 16/11/2020 trả gốc 80.000.000 đồng;

Kỳ 4: ngày 16/11/2021 trả gốc 80.000.000 đồng;

Kỳ 5: ngày 16/11/2022 trả gốc 80.000.000 đồng;

Trả lãi theo kỳ trả nợ gốc.

Sau khi vay tiền, tính đến ngày 11/02/2020, ông T trả tiền lãi cho Ngân hàng N là 115.599.999 đồng. Tiền vay gốc ông T vẫn chưa trả đúng theo phần kỳ trả nợ, cụ thể số nợ gốc phải thanh toán là 160.000.000 đồng (ngày 18/11/2018 trả 80.000.000 đồng; ngày 18/11/2019 trả 80.000.000 đồng), đến nay khoản vay trên đã quá hạn. Tính đến ngày 17/9/2020, ông T còn nợ Ngân

hàng N khoản vay gốc và lãi 400.000.000 đồng, trong đó gốc 400.000.000 đồng; lãi đã thanh toán xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Cô Văn T và bà Trần Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017 cho Ngân hàng N, tính đến ngày 17/9/2020 tổng cộng nợ gốc và lãi là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông T và bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông Cô Văn T và bà Trần Thị H không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N, Ngân hàng N đề nghị phát mại tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 419033, có diện tích 5237,6m^2, thuộc thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 26/10/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 486511, có diện tích 15952,6m^2, thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 06/10/2017, theo Hợp đồng thế chấp số 73.9.AT3./HĐTC giữa Ngân hàng N với ông Cô Văn T và bà Trần Thị H.

- Tại văn bản trả lời theo việc thụ lý vụ án (không ghi ngày tháng năm), Tờ tường trình ngày 18/7/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19/8/2020, bị đơn là ông Cô Văn T trình bày:

Ông được sự đồng ý bằng văn bản ủy quyền của vợ ông T là bà Trần Thị H ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017 vay của Ngân hàng N chi nhánh huyện C số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, mục đích vay vốn là nuôi tôm, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc và lãi phân kỳ trả nợ giống như Ngân hàng N đã trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Cô Văn T trả lãi đúng hạn cho Ngân hàng N, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo phân kỳ, tính đến ngày 17/9/2020, số nợ phân kỳ quá hạn là 160.000.000 đồng. Ông T thống nhất trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N, nhưng do dịch bệnh, tôm bị mất giá, ông T không có đủ điều kiện thanh toán hết số nợ 400.000.000 đồng. Ông T xin được trả dần khoản nợ vay: tháng 01/2021 sẽ trả số tiền vay gốc là 270.000.000 đồng và lãi phát sinh; còn lại 160.000.000 đồng, xin được trả theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, anh Cô Thành T và chị Nguyễn Thị Huỳnh D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại Tờ tường trình do ông Cô Văn T, bà Trần Thị H, anh Cô Thành T và chị Nguyễn Thị Huỳnh D cùng lập ngày 18/7/2020, bà H, anh T, chị D cùng có ý kiến: cùng thống nhất thừa nhận ông T có vay nợ Ngân hàng N và hứa hẹn sẽ trả đúng nợ theo phân kỳ trả nợ cho Ngân hàng N trong vụ nuôi tôm tiếp theo của gia đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hợp lệ. Trong các văn bản trên có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp ông T và bà H không có khả năng thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 419033, có diện tích 5237,6m^2, thuộc thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 26/10/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 486511, có diện tích 15952,6m^2, thuộc thửa đất số 975, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Cô Văn T và bà Trần Thị H ngày 06/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp số 73.9.AT3./HĐTC giữa Ngân hàng N với ông Cô Văn T và bà Trần Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà H, anh T và chị D không có ý kiến phản đối về việc Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020. Nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn ông Cô Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H thống nhất nội dung biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông T xác định: các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng N thuộc quyền sử dụng của ông T và bà H. Hiện nay, trên phần đất thế chấp còn có con trai ông T là Cô Thành T, con dâu ông T (vợ anh T) là chị Nguyễn Thị Huỳnh D cùng canh tác, quản lý với ông T và bà H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp thuộc tranh chấp dân sự cho đúng quy định của pháp luật; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng N (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn không có đăng ký kinh doanh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để nuôi tôm. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại và thụ lý vụ án kinh doanh thương mại là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn Cô Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H, Cô Thành T, Nguyễn Thị Huỳnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-20170203 ngày 16/11/2017 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N và ông T, ông T tham gia ký hợp đồng có được sự đồng ý bằng văn bản ủy quyền hợp lệ của vợ ông T là bà Trần Thị H. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017 tính đến ngày 17/9/2020 với số tiền là 400.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi đã thanh toán xong. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định: Ngân hàng N đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày 16/11/2017, lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích sử dụng vốn vay là để nuôi tôm. Sau khi vay tiền, bị đơn do điều kiện kinh tế khó khăn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo phân kỳ, từ khi vay tiền đến ngày 17/9/2020 bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ lãi, chưa thanh

toán nợ gốc theo phân kỳ trả nợ. Ông T đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702039 ngày 16/11/2017. Nên việc Ngân hàng N yêu cầu ông T và bà H chịu trách nhiệm liên đới trả tiền vay vốn và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[6] Ông T ký hợp đồng vay tiền với mục đích nuôi tôm, có văn bản ủy quyền hợp lệ của vợ ông T là bà Trần Thị H, nên việc Ngân hàng N yêu cầu ông T và bà H chịu trách nhiệm liên đới trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng N là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 73.9.AT3./HĐTC ngày 14/11/2017, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông T, bà H, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo quy định tại các điều 317, 318, 319, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Vì vậy, việc Ngân hàng N đề nghị phát mại tài sản thế chấp khi ông T, bà H không có khả năng thanh toán nợ vay trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 103, 299, 320, 322 và 323 của Bộ luật Dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của ông T đề nghị trả dần khoản vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, ý kiến của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[9] Như đã phân tích ở trên ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N không chịu. Ông T và bà H có trách nhiệm liên đới chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 137, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 103, 117, 118, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai, Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 của Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Cô Văn T và bà Trần Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và lãi là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, trong đó nợ gốc: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, nợ lãi đã thanh toán xong.

Kể từ ngày 18/9/2020 ông T và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông T và bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà H thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 73.9.AT3./HĐTC ngày 14/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Cô Văn T và bà Trần Thị H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Cô Văn T và bà Trần Thị H phải chịu trách nhiệm liên đới nộp 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002927 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000 (chín trăm ngàn) đồng, Ngân hàng N đã nộp đủ theo phiếu thu số T25 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Ông T và bà H chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng N số tiền 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

5. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Ngoan